

Số: 14/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 01 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng OCB (OCB); Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NG - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Pleiku.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà V và ông H ; Địa chỉ: 40C Hùng Vương, phường D, tỉnh G. (Theo Giấy ủy quyền số 45/2024/UQ-OCB ngày 14/7/2025)

- Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1986 và bà H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền nợ: Ông Phan T và bà H thừa nhận còn nợ và có nghĩa vụ chung thanh toán cho Ngân hàng (OCB) số tiền vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0181/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 25/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 0181/2024/KUNN-OCB-CN ngày 25/4/2024 tính đến ngày

22/5/2026 là: 761.442.674 đồng (*bảy trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi tư đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 595.911.291 đồng (*Năm trăm chín mươi lăm triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm chín mươi một đồng*); Nợ lãi là: 165.531.383 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ba mươi một nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*).

- Về phương án trả nợ:

Các bên thỏa thuận phương án trả nợ như sau: Đến thời hạn cuối cùng vào ngày 30/6/2026, ông Phan T và bà H có nghĩa vụ chung thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên cho ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 23/5/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (tại Hợp đồng tín dụng số 0181/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 25/04/2024, Khế ước nhận nợ số 0181/2024/KUNN-OCB-CN ngày 25/4/2024) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp ông Phan T và bà H không trả được nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng (OCB) có quyền xử lý tài sản thế chấp (Theo thỏa thuận giữa các bên tại các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp) hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173/2020/BĐ ngày 13/04/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173.01/2020/PL-BĐ ngày 25/4/2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0938/2021/BĐ ngày 30/11/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0938.01/2021/PL-BĐ ngày 25/4/2024, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc:

+ Thửa đất số: 147, tờ bản đồ số: 29, diện tích: 5067,2 m², tại: xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Nay là xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 085880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/9/2021 và tài sản gắn liền với đất.

+ Thửa đất số: 155, tờ bản đồ số: 28, diện tích: 15688 m², tại: xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Nay là xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 836441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/03/2020 và tài sản gắn liền với đất, do ông Phan T và bà H đứng tên.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản thì ông Phan T và bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phan T và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hòa giải thành trước khi mở phiên tòa là 17.228.853 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn tám trăm năm mươi ba đồng*).

Ông Phan T và bà H tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.228.853 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn tám trăm năm mươi ba đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 15.600.000 đồng đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003457 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Việt Anh